

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2021
V/v: "Tranh chấp yêu cầu chia
tài sản chung sau ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vượng;

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam- Kiểm sát viên;

Ngày 22/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 410/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1985

Đại chỉ: Khu dân cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Đại diện diện theo uỷ quyền: Ông Lưu Ngọc Hùng- Chức vụ: Chấp hành viên trung cấp Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (theo văn bản uỷ quyền ngày 12/01/2021 của Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Hồng T kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh và chị T chung sống và sinh được 01 con chung cháu Dương Thanh K, sinh ngày 16/3/2012. Do mâu thuẫn vợ chồng nên giữa anh và chị T đã ly hôn theo Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST ngày 28/7/2017 của Toà án nhân dân thành phố B. Sau khi ly hôn anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Th chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T tạo lập được khối tài sản chung gồm: Nhà, đất tại Khu dân cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX 420842 do UBND thành phố B cấp ngày 23/01/2015 được chỉnh lý tại trang 3 ngày 17/11/2015 mang tên Đỗ Thị Hồng T.

Năm 2016 giữa anh và chị T có vay 600.000.000đồng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Khi vay anh và chị T đã thế chấp tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất tại Khu dân cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX 420842 do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 23/01/2015 được chỉnh lý tại trang 3 ngày 17/11/2015 mang tên Đỗ Thị Hồng Th. Do không trả được nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện anh và chị T. Tại Bản án số: 89/2019/DSST ngày 20/12/2019 Toà án nhân dân thành phố B đã quyết định buộc anh và chị T phải có trách nhiệm trả tiền gốc, lãi còn nợ cho Ngân hàng. Sau khi bản án số 89/2019/DSST ngày 20/12/2019 có hiệu lực pháp luật anh và chị T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 17/3/2020 Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã ra Quyết định số 39/QĐ-CCTHADS cưỡng chế, kê biên đối với tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng. Kết quả bán đấu giá đối với Nhà, đất tại Khu dân cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của anh và chị T được số tiền 1.326.668.000đồng. Sau khi trừ đi các khoản anh và chị T phải thanh toán như: Chi phí thi hành án, tiền án phí dân sự sơ thẩm và khoản tiền lãi, gốc anh và chị T phải trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, còn lại số tiền 481.937.687 đồng từ việc bán đấu giá tài sản thế chấp nhà đất là tài sản chung của anh và chị T. Do chị T vắng mặt tại nơi cư trú nên Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B chưa giao lại số tiền này cho anh và chị T. Do vậy, hiện nay Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B vẫn lưu giữ và đang gửi tiết kiệm số tiền 481.937.687 đồng là tài sản chung của anh và chị T tại Ngân hàng theo thông báo số 1300/TB-THADS ngày 22/9/2020 về việc gửi tiền tiết kiệm của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

Nay anh T xác định số tiền 481.937.687 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền 481.937.687 đồng theo hình thức gửi tiết kiệm như thông báo số 1300/TB-THADS ngày 22/9/2020 về việc gửi tiền tiết kiệm của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang là tài sản chung của anh và chị Đỗ Thị Hồng T. Do vậy, anh T yêu cầu Toà án giải quyết phân chia số tiền trên cho anh và chị T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền này. Do chị T vắng mặt tại địa phương, không ai biết chị T ở đâu nên sau khi Toà án

chia tài sản chung là số tiền nêu trên thì anh đề nghị Toà án tạm giao cho anh quản lý số tiền của chị T được chia cho đến khi chị T về thì anh sẽ có trách nhiệm giao trả cho chị T. Vì theo thông báo số 1300/TB-THADS ngày 22/9/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang có nêu trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Bản án số 89/2019/DSST ngày 20/12/2019 có hiệu lực pháp luật nếu chị T không đến nhận thì số tiền của chị T sẽ bị sung quỹ nhà nước. Ngoài ra anh T không yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các biện pháp tổng đạt, niêm yết, đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với chị Đỗ Thị Hồng T đến Tòa án để làm việc và thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T nhưng chị T vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B) có quan điểm như sau:

Căn cứ Bản án số 89/2019/DSST ngày 20/12/2019 của Toà án nhân dân thành phố B và đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang II, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã ra Quyết định thi hành án số 159, 188/QĐ-CCTHADS cùng ngày 17/02/2020 cho thi hành khoản: Buộc chị Đỗ Thị Hồng T phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 340.625.692 đồng; buộc anh Dương Văn T phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 340.625.692 đồng. Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã cho chị Đỗ Thị Hồng T và anh Dương Văn T được tự nguyện thi hành án theo quy định của pháp luật nhưng chị T và anh T không thực hiện được nghĩa vụ thi hành án. Ngày 25/3/2020 Chi cục Thi hành án đã tiến hành cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 71,7m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số: Lô 26-N14, tờ bản đồ số: Theo quy hoạch phân lô, loại đất ở đô thị; địa chỉ thửa đất: Khu dân cư C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BX 420842, số vào sổ cấp giấy CH 04532/QĐ số 463/QĐ-UBND do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 23/01/2015, được chỉnh lý tại trang 3 ngày 17/11/2015 mang tên chị Đỗ Thị Hồng T. Kết quả bán đấu giá tài sản ngày 29/7/2020 đối với nhà đất là tài sản chung của anh T, chị T như đã nêu trên là 1.326.668.000đồng. Ngày 31/8/2020 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã tổ chức cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá.

Căn cứ bảng kê phân phối tiền bán đấu giá tài sản để thi hành án, sau khi trừ các khoản chi phí, tiền án phí DSST nộp ngân sách nhà nước và tiền anh T, chị T phải trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T được trả lại số tiền 481.937.687 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã ra thông báo nhận tiền trả lại nhưng chị Đỗ Thị Hồng T

không đến nhận tiền, do vậy Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã gửi tiết kiệm đối với số tiền 481.937.687 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II và thông báo về việc gửi tiết kiệm số 1300/TB-THADS ngày 22/9/2020 cho anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T theo quy định của pháp luật.

Nay anh Dương Văn T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết “chia tài sản chung sau ly hôn” đối với số tiền 481.937.687 đồng là tài sản chung của anh T, chị T do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đang gửi tiết kiệm như đã nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang không có ý kiến gì và đề nghị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Qua xác kết quả xác minh về tiền lãi gửi tiết kiệm được biết: Căn cứ bảng tính lãi tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II đối với số tiền gốc 481.937.687 đồng do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II. Tính đến ngày 22/02/2021 (ngày Toà án xét xử) thì tổng số tiền gốc và lãi là 488.410.387 đồng.

- Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn là chị Đỗ Thị Hồng T vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Dương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét, Căn cứ Điều 29; Điều 33; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của anh Dương Văn T đối với chị Đỗ Thị Hồng T.

2. Xác định số tiền 488.410.387 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T (Số tiền này đang do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II).

- Chia cho anh Dương Văn T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền là 244.205.193 đồng.

- Chia cho chị Đỗ Thị Hồng T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền là 244.205.193 đồng.

3. Tạm giao cho anh Dương Văn T quản lý đối với số tiền 244.205.193 đồng là phần tài sản của chị Đỗ Thị Hồng T được chia.

4. Anh Dương Văn T có quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang để nhận lại số tiền của anh T được chia và số tiền của chị Đỗ Thị Hồng T được chia nhưng tạm giao cho anh Thanh quản lý.

5. Về án phí: Anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt, niêm yết công khai, đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn là chị Đỗ Thị Hồng T nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa án trình bày quan điểm, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì. Do vậy, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như ghi lời khai bị đơn và không tiến hành phiên hoà giải giữa các đương sự trong vụ án được. Mặt khác Tòa án cũng đã đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về lịch xét xử cho chị T là bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 02/02/2021 bị đơn là chị T vắng mặt không có lý do Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị T tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn; đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Dương Văn T yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn. Tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại thành phố Bắc Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

*** Về nội dung:**

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của nguyên đơn thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn là chị Đỗ Thị Hồng T không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do

nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Trước khi ly hôn (theo Bản án số 48/2017/HNGĐ-ST ngày 28/7/2017 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang) giữa anh T và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn, trong thời kỳ hôn nhân anh Thanh và chị Thanh tạo lập được tài sản chung là Quyền sử dụng 71,7m² đất và tài sản gắn liền với thửa đất số: Lô 26-N14, tờ bản đồ số: Theo quy hoạch phân lô, loại đất ở đô thị; địa chỉ thửa đất: Khu dân cư C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420842, số vào sổ cấp giấy CH 04532/QĐ số 463/QĐ-UBND do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 23/01/2015, được chỉnh lý tại trang 3 ngày 17/11/2015 mang tên Đỗ Thị Hồng T. Năm 2016 (trong thời kỳ hôn nhân) anh T và chị T đã thế chấp tài sản này cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do không trả được nợ gốc và lãi nên Ngân hàng đã khởi kiện ra toà. Theo Bản án số 89/2019/DS-ST ngày 20/12/2019 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang đã quyết định: Buộc chị Đỗ Thị Hồng T phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 340.625.692 đồng; buộc anh Dương Văn T phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 340.625.692 đồng. Do anh T và chị T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nên Chi cục Thi hành án đã tiến hành cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nhà, đất là tài sản chung của anh T và chị T như đã nêu trên được số tiền 1.326.668.000đồng. Sau khi trừ các khoản mà anh T, chị T phải chịu như: Khoản tiền trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phí thi hành án, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền còn lại là 481.937.687 đồng từ việc bán phát mãi tài sản chung của anh T và chị T, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã ra thông báo trả lại nhưng chị Đỗ Thị Hồng T không đến nhận tiền, do vậy Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II và thông báo về việc gửi tiết kiệm số 1300/TB-THADS ngày 22/9/2020 cho anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T theo quy định của pháp luật. Do vậy, xác định tài sản chung của anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T còn lại số tiền 481.937.687 đồng là có căn cứ.

Do số tiền 481.937.687 đồng là tài sản chung của anh T và chị T đang do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang lưu giữ và đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II từ ngày 15/9/2020 nên tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/02/2021) là 6.472.700đồng cũng là tài sản chung của anh T và chị T. Vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi là tài sản chung của anh T và chị T tính đến ngày 22/02/2021 là 481.937.687 đồng gốc + 6.472.700đồng tiền lãi = 488.410.387 đồng. Nay anh T yêu cầu Toà án chia tổng số tiền gốc và lãi nói trên cho anh và chị T là có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu chia đôi tài sản chung của nguyên đơn thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cho thấy: Số tiền 481.937.687 đồng là tài sản chung của anh T và chị T có được từ việc bán tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, số tiền 6.472.700 đồng là tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc như đã nhận định ở phần trên. Cả anh T và chị T không ai cung cấp tài liệu chứng minh mình có công sức lớn hơn trong việc tạo dựng nên giá trị tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung giữa anh T và chị T là ngang nhau. Theo quy định tại điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng thì phải chia đôi. Vậy anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T đều được hưởng 50% giá trị tài sản chung tương ứng với $488.410.387 \text{ đồng} \times 50\% = 244.205.193 \text{ đồng}$.

Do chị Đỗ Thị Hồng T hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự đối với tài sản chung được chia không bị sung quỹ nhà nước theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử cần tạm giao cho anh Dương Văn T quản lý số tiền 244.205.193 đồng đã chia cho chị T đến khi nào chị Đỗ Thị Hồng T yêu cầu thì anh T phải có trách nhiệm giao trả lại cho chị T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 của Bộ luật dân sự.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Hồng T và anh Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 29; Điều 33; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của anh Dương Văn T đối với chị Đỗ Thị Hồng T.

2. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Dương Văn T và chị Đỗ Thị Hồng T là 488.410.387 đồng (Số tiền này đang do Chị cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang II).

- Chia cho anh Dương Văn T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền 244.205.193 đồng.

- Chia cho chị Đỗ Thị Hồng T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền 244.205.193 đồng.

3. Tạm giao cho anh Dương Văn T quản lý đối với số tiền 244.205.193 đồng của chị Đỗ Thị Hồng T được chia cho đến khi chị Đỗ Thị Hồng T yêu cầu thì anh T phải có trách nhiệm giao trả lại cho chị T.

4. Anh Dương Văn T có quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang để nhận lại số tiền của anh T được chia và số tiền của chị Đỗ Thị Hồng T được chia nhưng tạm giao cho anh T quản lý.

5. Về án phí:

- Anh Dương Văn T phải chịu 12.210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 6.025.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001659 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh T còn phải nộp thêm 6.185.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Đỗ Thị Hồng T phải chịu 12.210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- *Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND TP Bắc Giang;*
- *Chi cục THA dân sự thành phố Bắc Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Hải